

HỒ SƠ MỜI QUAN TÂM DỰ ÁN ĐẦU TƯ KINH DOANH ĐIỆN LỰC

Tên dự án:

Nhà máy điện gió Ia Ko 1

Phát hành ngày:

Ngày 29. tháng 01. năm 2026

Ban hành kèm theo Quyết định: Số 397/QĐ-UBND ngày 29/01/2026 của
UBND tỉnh Gia Lai

BÊN MỜI QUAN TÂM
SỞ TÀI CHÍNH
TỈNH GIA LAI

MỤC LỤC

MÔ TẢ TÓM TẮT	3
TỪ NGỮ VIẾT TẮT	4
PHẦN 1. THỦ TỤC MỜI QUAN TÂM.....	5
Chương 1. Chỉ dẫn nhà đầu tư.....	5
Chương 2. Đánh giá hồ sơ đăng ký thực hiện dự án.....	16
Chương 3. Biểu mẫu dự quan tâm	20
PHẦN 2. YÊU CẦU THỰC HIỆN DỰ ÁN.....	33

MÔ TẢ TÓM TẮT

PHẦN 1. THỦ TỤC MỜI QUAN TÂM

Chương I. Chỉ dẫn nhà đầu tư

Chương này cung cấp thông tin nhằm giúp nhà đầu tư chuẩn bị hồ sơ đăng ký thực hiện dự án. Thông tin gồm quy định về việc chuẩn bị, nộp hồ sơ đăng ký thực hiện dự án, mở thầu, đánh giá hồ sơ đăng ký thực hiện dự án.

Chương II. Đánh giá hồ sơ đăng ký thực hiện dự án

Chương này gồm quy định về phương pháp và tiêu chuẩn để đánh giá hồ sơ đăng ký thực hiện dự án.

Chương III. Biểu mẫu dự quan tâm

Chương này gồm quy định về các biểu mẫu mà nhà đầu tư sẽ phải hoàn chỉnh để tạo thành một phần nội dung của hồ sơ đăng ký thực hiện dự án.

PHẦN 2. YÊU CẦU THỰC HIỆN DỰ ÁN

Bên mời quan tâm căn cứ nội dung quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư để xác định yêu cầu thực hiện dự án.

TỪ NGỮ VIẾT TẮT

CDNĐT	Chỉ dẫn nhà đầu tư
Hệ thống	Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia
HSĐKTHDA	Hồ sơ đăng ký thực hiện dự án
HSMQT	Hồ sơ mời quan tâm
Luật Đấu thầu	Luật Đấu thầu số 22/2023/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 57/2024/QH15 và Luật số 90/2025/QH15.
Nghị định số 115/2024/NĐ-CP	Nghị định số 115/2024/NĐ-CP quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án đầu tư có sử dụng đất, được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 17/2025/NĐ-CP và Nghị định số 225/2025/NĐ-CP.

PHẦN 1. THỦ TỤC MỜI QUAN TÂM

CHƯƠNG I. CHỈ DẪN NHÀ ĐẦU TƯ

Mục 1. Nội dung mời quan tâm

1.1. Sở Tài chính tỉnh Gia Lai mời nhà đầu tư nộp hồ sơ đăng ký thực hiện dự án Nhà máy điện gió Ia Ko 1.

1.2. Thông tin về dự án:

1. Tên dự án; mục tiêu đầu tư, quy mô đầu tư của dự án.

a. Tên dự án: Nhà máy điện gió Ia Ko 1.

b. Mục tiêu đầu tư:

- Cung cấp sản lượng điện sạch từ nguồn năng lượng tái tạo cho hệ thống điện quốc gia, góp phần đảm bảo an ninh năng lượng quốc gia, đảm bảo nguồn điện cung cấp phục vụ nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh Gia Lai và giảm tổn thất điện năng trong hệ thống truyền tải điện.

- Đóng góp nguồn thu ngân sách cho địa phương, tạo động lực thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn. Đồng thời, tăng giá trị sản xuất công nghiệp góp phần đạt được mục tiêu tăng trưởng kinh tế ở mức hai con số trong thời gian tới trên địa bàn tỉnh.

c. Quy mô đầu tư của dự án:

- Tổng công suất lắp đặt: 42 MW.

- Phương án đấu nối: Đường dây 220kV mạch đơn đấu nối từ thanh cái trạm nâng áp 33/220kV NMDG Ia Ko 1 đấu nối đến thanh cái 220kV TBA 500kV Nhơn Hòa.

2. Tổng vốn đầu tư của dự án: 1.562.212.000.000 đồng (*bằng chữ: Một nghìn năm trăm sáu mươi hai tỷ, hai trăm mười hai triệu đồng*).

- Sơ bộ tổng chi phí thực hiện dự án: 1.540.372.000.000 đồng.

- Chi phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư (nếu có): 21.840.000.000 đồng.

3. Địa điểm thực hiện dự án: Xã Ia Ko, xã Chư Pưh và xã Ia Le, tỉnh Gia Lai.

4. Mục đích sử dụng đất; hiện trạng sử dụng đất.

- Mục đích sử dụng đất: Đất công trình năng lượng.

- Hiện trạng sử dụng đất: Đất suối, đất lúa, đất nghĩa trang, đất giao thông, phần còn lại là đất nông nghiệp.

5. Diện tích khu đất thực hiện dự án.

Diện tích sử dụng đất của dự án là 27,3 ha, trong đó:

- Diện tích đất sử dụng có thời hạn khoảng 14,7 ha (bao gồm tổng diện tích của các móng trụ tua bin gió; bãi cầu lắp tuabin; các đường dây cáp ngầm đầu nối tuabin; đường giao thông nội bộ...).

- Diện tích sử dụng đất tạm thời của dự án khoảng 12,6 ha (bao gồm tổng diện tích bãi tập kết thiết bị; Khu vực phụ trợ thi công; đường phục vụ thi công).

6. Các chỉ tiêu quy hoạch: Thực hiện theo quy hoạch phát triển điện lực quốc gia, quy hoạch tỉnh, quy hoạch chung cấp xã và các quy hoạch có liên quan.

7. Thời hạn, tiến độ thực hiện dự án.

Thời hạn hoạt động của dự án: 50 năm.

Tiến độ thực hiện dự án:

- Từ Quý 4/2025 đến tháng 2/2026: Chấp thuận chủ trương đầu tư; lựa chọn nhà đầu tư;

- Từ tháng 3/2026 đến tháng 8/2026: Thực hiện các thỏa thuận chuyên ngành; Thẩm định báo cáo nghiên cứu khả thi và Quyết định phê duyệt đầu tư dự án của nhà đầu tư; Đàm phán, ký kết hợp đồng mua bán điện; Thiết kế kỹ thuật, thiết kế bản vẽ thi công; Bồi thường giải phóng mặt bằng, giao đất và cho thuê đất;

- Tháng 9/2026: Khởi công xây dựng dự án;

- Tháng 12/2027: Hoàn thiện đưa dự án vào vận hành.

8. Thời điểm hết hạn nộp hồ sơ đăng ký thực hiện dự án: ... giờ 00 ngày ... tháng 02 năm 2026.

Mục 2. Hành vi bị cấm trong đấu thầu

Hành vi bị cấm trong đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư gồm các hành vi theo quy định tại Điều 16 Luật Đấu thầu.

Mục 3. Tư cách hợp lệ của nhà đầu tư

Nhà đầu tư độc lập hoặc từng thành viên liên danh có tư cách hợp lệ khi đáp ứng đủ các điều kiện sau đây:

3.1. Đối với nhà đầu tư trong nước: là doanh nghiệp, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, tổ hợp tác, đơn vị sự nghiệp công lập, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài và tổ chức khác đăng ký thành lập, hoạt động theo quy định của pháp luật Việt Nam. Đối với nhà đầu tư nước ngoài: có đăng ký thành lập, hoạt động theo pháp luật nước ngoài;

3.2. Hạch toán tài chính độc lập;

3.3. Không đang trong quá trình thực hiện thủ tục giải thể hoặc bị thu hồi giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã,

liên hiệp hợp tác xã, tổ hợp tác; không thuộc trường hợp mất khả năng thanh toán theo quy định của pháp luật về phá sản;

3.4. Có tên trên Hệ thống trước khi phê duyệt kết quả mời quan tâm;

3.5. Bảo đảm cạnh tranh trong đấu thầu theo quy định tại khoản 5 Điều 6 của Luật Đấu thầu và Điều 5 của Nghị định số 115/2024/NĐ-CP;

3.6. Không đang trong thời gian bị cấm tham dự thầu theo quyết định của người có thẩm quyền, Bộ trưởng Bộ Công Thương, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định tại khoản 3 Điều 87 của Luật Đấu thầu;

3.7. Không đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự;

3.8. Thuộc đối tượng được Nhà nước giao đất, cho thuê đất và đáp ứng các điều kiện giao đất, cho thuê đất theo quy định của pháp luật về đất đai.

Mục 4. Nội dung HSMQT

4.1. HSMQT gồm có Phần 1, Phần 2 và các tài liệu sửa đổi, làm rõ HSMQT (nếu có) theo quy định tại Mục 7 CDNĐT, trong đó gồm các nội dung sau đây:

a) Phần 1. Thủ tục mời quan tâm

- Chương I. Chỉ dẫn nhà đầu tư
- Chương II. Đánh giá HSDKTHDA
- Chương III. Biểu mẫu dự quan tâm

b) Phần 2. Yêu cầu thực hiện dự án

4.2. Thông báo mời quan tâm do bên mời quan tâm phát hành chỉ có tính chất thông báo, không phải là một phần của HSMQT.

4.3. Bên mời quan tâm không chịu trách nhiệm về tính không chính xác, không hoàn chỉnh của HSMQT, tài liệu giải thích làm rõ HSMQT, biên bản hội nghị tiền đấu thầu (nếu có), các tài liệu sửa đổi HSMQT không do bên mời quan tâm cung cấp.

4.4. Nhà đầu tư phải nghiên cứu tất cả thông tin chỉ dẫn, biểu mẫu dự quan tâm, yêu cầu thực hiện dự án và các yêu cầu khác trong HSMQT để chuẩn bị HSDKTHDA.

Mục 5. Tiêu chuẩn đánh giá sơ bộ về năng lực của nhà đầu tư

Tiêu chuẩn sơ bộ về năng lực của nhà đầu tư: Yêu cầu vốn chủ sở hữu.

Nội dung chi tiết theo quy định tại Chương II. Đánh giá HSDKTHDA

Mục 6. Làm rõ HSMQT

6.1. Trường hợp cần làm rõ HSMQT, nhà đầu tư gửi đề nghị làm rõ đến bên mời quan tâm trên Hệ thống tối thiểu 05 ngày trước ngày hết hạn nộp HSDKTHDA.

6.2. Sau khi nhận được văn bản đề nghị làm rõ theo thời gian quy định, Sở Tài chính tiến hành làm rõ và đăng tải văn bản làm rõ hồ sơ mời quan tâm trên Hệ thống tối thiểu 02 ngày trước ngày hết hạn nộp HSDKTHDA.

6.3. Nội dung làm rõ HSMQT không được trái với nội dung của HSMQT đã được đăng tải trên Hệ thống. Trường hợp sau khi làm rõ HSMQT dẫn đến phải sửa đổi HSMQT thì việc sửa đổi HSMQT thực hiện theo quy định tại Mục 7 CDNĐT.

6.4. Văn bản làm rõ hồ sơ mời quan tâm là một phần của HSMQT.

Mục 7. Sửa đổi HSMQT; gia hạn thời gian nộp HSDKTHDA

7.1. Trường hợp sửa đổi HSMQT sau khi phát hành, bên mời quan tâm phải đăng tải các tài liệu sau đây trên Hệ thống, gồm: Quyết định sửa đổi kèm theo những nội dung sửa đổi HSMQT, HSMQT đã được sửa đổi. Quyết định sửa đổi HSMQT là một phần của HSMQT. Nhà đầu tư có trách nhiệm thường xuyên truy cập vào Hệ thống để cập nhật các thông tin về HSMQT.

7.2. Thời gian đăng tải quyết định sửa đổi HSMQT tối thiểu 10 ngày trước ngày hết hạn nộp HSDKTHDA. Trường hợp thời gian đăng tải quyết định HSMQT không đáp ứng theo quy định tại Mục này thì bên mời quan tâm phải thực hiện gia hạn thời điểm đóng thầu tương ứng bảo đảm quy định về thời gian tại Mục này. Việc gia hạn được thực hiện theo quy định tại Mục 7.3 CDNĐT.

7.3. Trường hợp cần gia hạn thời gian nộp HSDKTHDA, bên mời quan tâm đăng tải thông báo gia hạn kèm theo quyết định phê duyệt gia hạn trên Hệ thống. Thông báo gia hạn gồm lý do gia hạn, thời điểm đóng thầu mới.

Mục 8. Chi phí dự quan tâm

Nhà đầu tư chịu các chi phí liên quan đến việc chuẩn bị và nộp HSDKTHDA. Trong mọi trường hợp, bên mời quan tâm không phải chịu trách nhiệm về các chi phí liên quan đến việc dự quan tâm của nhà đầu tư.

Mục 9. Ngôn ngữ của HSDKTHDA

HSDKTHDA, thư từ và tài liệu liên quan đến HSDKTHDA trao đổi giữa nhà đầu tư với bên mời quan tâm được viết bằng tiếng Việt.

Các tài liệu và tư liệu bổ trợ trong HSDKTHDA có thể được viết bằng ngôn ngữ khác đồng thời kèm theo bản dịch sang tiếng Việt. Trường hợp thiếu

bản dịch, nếu cần thiết, bên mời quan tâm có thể yêu cầu nhà đầu tư gửi bổ sung.

Mục 10. HSDKTHDA và thời hạn nộp

10.1. HSDKTHDA do nhà đầu tư chuẩn bị phải gồm các thành phần sau đây:

- a) Văn bản đăng ký thực hiện dự án theo quy định tại Mục 13 CDNĐT;
- b) Tài liệu chứng minh tư cách hợp lệ của người ký văn bản đăng ký thực hiện dự án theo quy định tại Mục 13 CDNĐT;
- c) Biểu mẫu dự quan tâm;
- d) Nội dung khác: Nhà đầu tư phải nộp cùng HSDKTHDA các tài liệu sau:

- Nhà đầu tư căn cứ vào "Mục 1. Nội dung mời quan tâm" về Phương án đầu nối của dự án vào hệ thống điện quốc gia, trường hợp dự án phải đầu nối (lắp đặt máy biến áp hoặc ngăn lộ) tại Trạm biến áp do tư nhân sở hữu thì "Nhà đầu tư phải có hợp đồng/thỏa thuận nguyên tắc (sơ bộ) về vị trí lắp đặt máy biến áp/ngăn lộ, thỏa thuận đầu nối và chia sẻ hạ tầng với đơn vị sở hữu Trạm biến áp" đáp ứng điều kiện quy định tại Quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư.

- Nhà đầu tư cần có văn bản xác nhận của cơ quan quản lý thuế, chứng minh đã hoàn thành đầy đủ các nghĩa vụ tài chính đối với Nhà nước đến thời điểm nộp hồ sơ.

- Nhà đầu tư phải có văn bản cam kết bắt buộc với các nội dung sau đây:

- + Trong quá trình lập hồ sơ báo cáo nghiên cứu khả thi và phê duyệt dự án, sau khi xác định chính xác các vị trí tua bin và các công trình dự án, nhà đầu tư sẽ phối hợp với UBND các xã cấp nhật, điều chỉnh để đồng bộ các quy hoạch chung xã, quy hoạch sử dụng đất, kế hoạch sử dụng đất để đảm bảo công tác bồi thường, hỗ trợ, tái định cư (nếu có).

- + Nhà đầu tư phải cam kết thực hiện các quy định về chuyển giao công nghệ theo quy định tại Điều 31 của Luật Chuyển giao công nghệ đối với công nghệ chuyển giao từ nước ngoài vào Việt Nam (nếu có); các thiết bị cho dự án đảm bảo theo quy định tại Điều 10 văn bản số 06/VBHN-BCT ngày 21/02/2023 của Bộ Công Thương về quy định thực hiện phát triển dự án điện gió và hợp đồng mua bán điện mẫu cho các dự án điện gió.

- + Trong quá trình triển khai dự án, nếu có bất kỳ thay đổi về công nghệ đề nghị nhà đầu tư điều chỉnh, bổ sung nội dung và trình cấp có thẩm quyền theo quy định tại khoản 4 Điều 13 Luật Chuyển giao công nghệ năm 2017.

+ Nhà đầu tư đáp ứng hồ sơ mời quan tâm hoặc trúng thầu thực hiện đúng quy định tại Luật Đầu tư, Luật Đất đai, Luật Đấu thầu, Nghị định số 32/2016/NĐ-CP ngày 06/5/2016 của Chính phủ quy định về quản lý độ cao chướng ngại vật hàng không và các văn bản pháp luật có liên quan.

+ Nhà đầu tư phải cam kết thực hiện các thủ tục chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác theo quy định. Đồng thời, phối hợp chặt chẽ với Công an tỉnh và các đơn vị liên quan thực hiện phương án đảm bảo an ninh trật tự tại khu vực triển khai dự án xuyên suốt quá trình thực hiện và sau khi dự án vận hành.

+ Không được chuyển nhượng, mua bán, chuyển quyền sở hữu dưới bất kỳ hình thức nào kể cả cổ phần hoặc phần vốn góp trong Công ty/Doanh nghiệp dự án, trừ khi có sự chấp thuận bằng văn bản của UBND tỉnh. Trong trường hợp nhà đầu tư vi phạm quy định này, Dự án có thể bị thu hồi mà cơ quan chức năng không có bất kỳ nghĩa vụ bồi thường nào.

+ Đối với diện tích đất sử dụng tạm thời: Nhà đầu tư có trách nhiệm làm việc thống nhất với các cơ quan, đơn vị, địa phương liên quan về vị trí, diện tích của các khu đất sử dụng tạm thời phù hợp, đề thi công dự án theo đúng quy định pháp luật hiện hành. Sau khi hoàn thành công trình đưa vào sử dụng, phần diện tích sử dụng đất tạm thời sẽ được xử lý theo quy định.

+ Sau khi được chấp thuận nhà đầu tư hoặc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà đầu tư, đề nghị Nhà đầu tư phối hợp với cơ quan Nhà nước để rà soát thống nhất việc rút ngắn thời gian đưa dự án vào vận hành từ 03-06 tháng so với tiến độ được duyệt, đảm bảo sớm hoàn thành dự án và đưa vào vận hành.

10.2. Nhà đầu tư nộp HSDKTHDA trên Hệ thống trước ... giờ, ngày ... tháng 02 năm 2026.

Mục 11. Đồng tiền dùng để đánh giá

Đồng tiền dùng để đánh giá: Đồng Việt Nam.

Khi đánh giá HSDKTHDA phải quy đổi về 01 loại tiền tệ; trường hợp trong số các đồng tiền đó có Đồng Việt Nam thì phải quy đổi về Đồng Việt Nam; trường hợp trong số các đồng tiền không có Đồng Việt Nam thì phải quy định về đồng tiền quy đổi, thời điểm và căn cứ xác định tỷ giá quy đổi như sau:

a) Đồng tiền quy đổi là: Đô la Mỹ.

b) Thời điểm xác định tỷ giá quy đổi là Thời điểm đóng thầu.

c) Căn cứ xác định tỷ giá quy đổi: Bên mời quan tâm sẽ căn cứ theo tỷ giá mua vào, bán ra của Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam.

Mục 12. Tài liệu chứng minh tư cách hợp lệ, năng lực của nhà đầu tư

12.1. Tài liệu chứng minh tư cách hợp lệ của nhà đầu tư gồm:

a) Đối với nhà đầu tư độc lập, phải cung cấp các tài liệu chứng minh tư cách hợp lệ của mình như sau:

Bản chụp một trong các tài liệu sau đây: Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc quyết định thành lập hoặc tài liệu có giá trị tương đương do cơ quan có thẩm quyền cấp đối với nhà đầu tư trong nước; tài liệu chứng minh đăng ký thành lập, hoạt động theo pháp luật nước ngoài đối với nhà đầu tư nước ngoài.

b) Đối với nhà đầu tư liên danh, phải cung cấp các tài liệu sau đây:

- Các tài liệu nêu tại điểm a Mục này đối với từng thành viên liên danh;
- Văn bản thỏa thuận liên danh giữa các thành viên theo Mẫu số 03 tại Chương III – Biểu mẫu dự quan tâm.

12.2. Tài liệu chứng minh năng lực của nhà đầu tư gồm:

a) Năng lực của nhà đầu tư được kê khai theo các Mẫu tại Chương III – Biểu mẫu dự quan tâm. Trường hợp đồng tiền nêu trong các tài liệu chứng minh năng lực không phải đồng tiền theo quy định tại Mục 11 Chương này thì khi lập HSDKTHDA, nhà đầu tư phải quy đổi về đồng tiền tương ứng theo quy định tại Mục 11 Chương này để làm cơ sở đánh giá HSDKTHDA; trường hợp không có tỷ giá trực tiếp giữa các loại đồng tiền này thì nhà đầu tư sử dụng đồng tiền quy đổi theo quy định tại Mục 11 Chương này để làm cơ sở quy đổi và kê khai trong HSDKTHDA.

b) Nhà đầu tư phải nộp cùng với HSDKTHDA các tài liệu sau đây:

- Đề xuất dự án đầu tư gồm các nội dung: Tên dự án, tổng vốn đầu tư (nêu rõ sơ bộ về chi phí thực hiện dự án; chi phí bồi thường, hỗ trợ và tái định cư), nguồn vốn đầu tư, tiến độ thực hiện, mục tiêu, quy mô, cam kết chịu mọi chi phí, rủi ro nếu hồ sơ đăng ký thực hiện dự án không được chấp thuận...; văn bản cam kết cung cấp tài chính của ngân hàng hoặc tổ chức tín dụng đối với phần nghĩa vụ tài chính còn lại (ngoài vốn chủ sở hữu) thuộc trách nhiệm huy động vốn của nhà đầu tư;

- Nhà đầu tư căn cứ vào "Mục 1. Nội dung mời quan tâm" về Phương án đầu nối của dự án vào hệ thống điện quốc gia, trường hợp dự án phải đầu nối (lắp đặt máy biến áp hoặc ngăn lộ) tại Trạm biến áp do tư nhân sở hữu thì "Nhà đầu tư phải có hợp đồng/thỏa thuận nguyên tắc (sơ bộ) về vị trí lắp đặt máy biến áp/ngăn lộ, thỏa thuận đầu nối và chia sẻ hạ tầng với đơn vị sở hữu Trạm biến áp" đáp ứng điều kiện quy định tại Quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư.

- Văn bản xác nhận của cơ quan quản lý thuế, chứng minh đã hoàn thành đầy đủ các nghĩa vụ tài chính đối với Nhà nước đến thời điểm nộp hồ sơ.

Mục 13. Văn bản đăng ký thực hiện dự án

13.1. Đối với nhà đầu tư độc lập, văn bản đăng ký thực hiện dự án phải được chuẩn bị theo Mẫu số 01 tại Chương III – Biểu mẫu dự quan tâm, được ký tên và đóng dấu (nếu có) bởi đại diện hợp pháp của nhà đầu tư.

Đại diện hợp pháp của nhà đầu tư là người đại diện theo pháp luật của nhà đầu tư hoặc người được người đại diện theo pháp luật của nhà đầu tư ủy quyền.

Trường hợp đại diện theo pháp luật của nhà đầu tư ủy quyền cho cấp dưới thì phải gửi kèm theo Giấy ủy quyền theo Mẫu số 02 Chương III – Biểu mẫu dự quan tâm; trường hợp tại điều lệ công ty hoặc tại các tài liệu khác liên quan có phân công trách nhiệm cho cấp dưới thì phải gửi kèm theo các văn bản này (không cần lập Giấy ủy quyền theo Mẫu số 02 Chương III – Biểu mẫu dự quan tâm). Bản gốc giấy ủy quyền (lập theo Mẫu số 02 Chương III – Biểu mẫu dự quan tâm) phải được gửi cho bên mời quan tâm cùng với văn bản đăng ký thực hiện dự án.

13.2. Đối với nhà đầu tư liên danh, văn bản đăng ký thực hiện dự án phải được chuẩn bị theo Mẫu số 01 tại Chương III – Biểu mẫu dự quan tâm, do đại diện hợp pháp của từng thành viên liên danh hoặc của thành viên theo phân công trách nhiệm trong văn bản thỏa thuận liên danh ký tên, đóng dấu (nếu có).

Đại diện hợp pháp của thành viên liên danh là người đại diện theo pháp luật hoặc người được người đại diện theo pháp luật ủy quyền. Trường hợp ủy quyền, thực hiện tương tự nhà đầu tư độc lập theo quy định tại Mục 13.1 CDNDT.

Mục 14. Chuẩn bị, nộp, tiếp nhận HSDKTHDA

14.1. Nhà đầu tư chịu trách nhiệm chuẩn bị và nộp HSDKTHDA trên Hệ thống theo yêu cầu của HSMQT. HSDKTHDA của nhà đầu tư bao gồm: Văn bản đăng ký thực hiện dự án; hồ sơ về tư cách pháp lý, năng lực của nhà đầu tư; các tài liệu khác có liên quan (nếu có).

14.2. Nhà đầu tư nộp HSDKTHDA trên Hệ thống theo thời hạn quy định tại thông báo mời quan tâm.

Mục 15. Sửa đổi, thay thế, rút HSDKTHDA

15.1. Sau khi nộp, nhà đầu tư có thể sửa đổi, thay thế hoặc rút HSDKTHDA trên Hệ thống trước thời điểm hết hạn nộp HSDKTHDA. Trường hợp cần sửa đổi HSDKTHDA đã nộp, nhà đầu tư phải tiến hành rút toàn bộ HSDKTHDA đã nộp trước đó để sửa đổi cho phù hợp. Sau khi hoàn thiện

HSDKTHDA, nhà đầu tư tiến hành nộp lại HSDKTHDA mới. Trường hợp nhà đầu tư đã nộp HSDKTHDA trước khi HSMQT được sửa đổi (nếu có) thì nhà đầu tư phải nộp lại HSDKTHDA mới cho phù hợp với HSMQT đã được sửa đổi.

15.2. Sau thời điểm hết hạn nộp HSDKTHDA, nhà đầu tư không được rút HSDKTHDA đã nộp.

Mục 16. Thời điểm đóng thầu

16.1. Bên mời quan tâm tiếp nhận HSDKTHDA của tất cả nhà đầu tư nộp HSDKTHDA trước thời điểm đóng thầu là: ... giờ_00 phút, ngày ... tháng 02 năm 2026.

16.2. Bên mời quan tâm có thể gia hạn thời điểm đóng thầu trong trường hợp sửa đổi HSMQT theo quy định tại Mục 7.3 CDNĐT.

Mục 17. Mở thầu

17.1. Việc mở thầu được thực hiện trên Hệ thống trong thời hạn 02 giờ kể từ thời điểm hết hạn nộp HSDKTHDA.

17.2. Ngoại trừ trường hợp HSDKTHDA nhà đầu tư rút theo quy định tại Mục 15.1 CDNĐT, bên mời quan tâm phải mở công khai tất cả HSDKTHDA đã nhận được trước thời điểm đóng thầu.

17.3. Bên mời quan tâm tổ chức đánh giá HSDKTHDA của các nhà đầu tư đã nộp hồ sơ.

Mục 18. Làm rõ HSDKTHDA

18.1. Trường hợp trong quá trình đánh giá, nhà đầu tư phát hiện HSDKTHDA thiếu thông tin, tài liệu về tư cách hợp lệ, năng lực đã có của mình nhưng chưa được nộp cùng hồ sơ thì nhà đầu tư được gửi thông tin tài liệu đến bên mời quan tâm đề tự làm rõ về tư cách hợp lệ, năng lực của mình. Bên mời quan tâm phải thông báo bằng văn bản cho nhà đầu tư về việc đã nhận được các tài liệu bổ sung làm rõ của nhà đầu tư trên Hệ thống.

18.2. Trong trường hợp phát hiện nhà đầu tư thiếu tài liệu chứng minh tư cách hợp lệ, năng lực thì bên mời quan tâm phải yêu cầu nhà đầu tư làm rõ, bổ sung tài liệu để chứng minh tư cách hợp lệ, năng lực. Nhà đầu tư có trách nhiệm làm rõ HSDKTHDA theo yêu cầu của bên mời quan tâm. Tất cả yêu cầu làm rõ của bên mời quan tâm và văn bản làm rõ của nhà đầu tư phải được thực hiện trên Hệ thống.

18.3. Việc làm rõ HSDKTHDA phải bảo đảm nguyên tắc không làm thay đổi tư cách và tên nhà đầu tư tham dự quan tâm.

18.4. Trong văn bản yêu cầu làm rõ phải quy định thời hạn làm rõ của nhà đầu tư (thời hạn này phải phù hợp với tiến độ thực hiện dự án, bảo đảm nhà đầu tư có đủ thời gian chuẩn bị các tài liệu làm rõ HSĐKTHDA). Trường hợp quá thời hạn làm rõ mà bên mời quan tâm không nhận được văn bản làm rõ hoặc nhà đầu tư có văn bản làm rõ nhưng không đáp ứng được yêu cầu làm rõ của bên mời quan tâm thì bên mời quan tâm sẽ đánh giá HSĐKTHDA của nhà đầu tư theo thông tin nêu tại HSĐKTHDA nộp trước thời điểm đóng thầu.

Mục 19. Đánh giá HSĐKTHDA và công khai kết quả mời quan tâm

19.1. Việc đánh giá HSĐKTHDA thực hiện theo phương pháp và tiêu chuẩn đánh giá về năng lực quy định tại Chương II – Đánh giá HSĐKTHDA.

19.2. Căn cứ kết quả đánh giá HSĐKTHDA, bên mời quan tâm trình người có thẩm quyền xem xét, phê duyệt kết quả mời quan tâm và tổ chức lựa chọn nhà đầu tư như sau:

a) Trường hợp có từ hai nhà đầu tư trở lên đáp ứng yêu cầu của HSMQT, tổ chức đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư theo quy định của pháp luật về đấu thầu. Nhà đầu tư tham dự thầu sẽ nộp bảo đảm dự thầu và bảo đảm thực hiện hợp đồng theo quy định của pháp luật về đấu thầu.

b) Trường hợp chỉ có một nhà đầu tư đăng ký và đáp ứng yêu cầu của HSMQT hoặc có nhiều nhà đầu tư đăng ký nhưng chỉ có một nhà đầu tư đáp ứng yêu cầu của HSMQT thì chấp thuận nhà đầu tư theo quy định của pháp luật về đầu tư. Nhà đầu tư được UBND tỉnh chấp thuận nhà đầu tư sẽ thực hiện bảo đảm thực hiện dự án đầu tư theo quy định của pháp luật về đầu tư.

c) Trường hợp không có nhà đầu tư quan tâm hoặc không có nhà đầu tư đáp ứng yêu cầu của HSMQT, có văn bản thông báo về kết thúc thủ tục mời quan tâm.

19.3. Đối với dự án quy định tại điểm a Mục 19.2 CDNĐT, người có thẩm quyền phê duyệt bảng theo dõi tiến độ các hoạt động lựa chọn nhà đầu tư theo quy định tại Điều 12 của Nghị định số 115/2024/NĐ-CP, trong đó quyết định bên mời thầu, hình thức, phương thức đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư, thời gian bắt đầu tổ chức lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án đầu tư kinh doanh điện lực. Hình thức đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư được xác định theo quy định sau:

a) Đấu thầu rộng rãi trong nước nếu không có nhà đầu tư nước ngoài nộp HSĐKTHDA hoặc đáp ứng yêu cầu của HSMQT theo quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 11 của Luật Đấu thầu;

b) Đấu thầu rộng rãi quốc tế nếu có tối thiểu một nhà đầu tư nước ngoài trở lên đáp ứng yêu cầu của HSMQT.

19.4. Đối với dự án quy định tại điểm c Mục 19.2 CDNĐT, người có thẩm quyền thông báo bằng văn bản về việc kết thúc mời quan tâm và xem xét quyết định thực hiện một trong hai thủ tục sau:

a) Thực hiện lại thủ tục mời quan tâm trong thời hạn do người có thẩm quyền quyết định;

b) Rà soát, chỉnh sửa HSMQT nhưng phải bảo đảm phù hợp với quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư hoặc văn bản phê duyệt thông tin dự án và thực hiện lại thủ tục mời quan tâm.

19.5. Căn cứ quyết định của người có thẩm quyền quy định tại Mục 19.2 CDNĐT, bên mời quan tâm có trách nhiệm đăng tải kết quả mời quan tâm và Bảng theo dõi tiến độ thực hiện các hoạt động lựa chọn nhà đầu tư hoặc văn bản thông báo về việc kết thúc thủ tục mời quan tâm trên Hệ thống.

Mục 20. Xử lý vi phạm trong đấu thầu

20.1. Tổ chức, cá nhân vi phạm pháp luật về đấu thầu và quy định khác của pháp luật có liên quan thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm mà bị xử lý kỷ luật, xử phạt vi phạm hành chính hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự; trường hợp hành vi vi phạm pháp luật về đấu thầu gây thiệt hại đến lợi ích của Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân thì phải bồi thường thiệt hại theo quy định của pháp luật.

20.2. Ngoài việc bị xử lý theo quy định tại Mục 20.1 CDNĐT, tùy theo tính chất, mức độ vi phạm, tổ chức, cá nhân thực hiện hành vi bị cấm theo quy định tại Điều 16 của Luật Đấu thầu còn bị cấm tham gia hoạt động đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư từ 06 tháng đến 05 năm. Thời gian cấm tham gia hoạt động đấu thầu đối với tổ chức, cá nhân có hành vi vi phạm, bao gồm cả cá nhân thuộc cơ quan có thẩm quyền, bên mời quan tâm, bên mời thầu, tổ chuyên gia, tổ thẩm định:

a) Cấm tham gia hoạt động đấu thầu từ 03 năm đến 05 năm đối với một trong các hành vi vi phạm các khoản 1, 2, 4 và điểm a khoản 3 Điều 16 của Luật Đấu thầu;

b) Cấm tham gia hoạt động đấu thầu từ 01 năm đến 03 năm đối với một trong các hành vi vi phạm điểm c khoản 3; khoản 5 Điều 16 của Luật Đấu thầu;

c) Cấm tham gia hoạt động đấu thầu từ 06 tháng đến 01 năm đối với một trong các hành vi vi phạm các điểm a, b, c, d, đ, e khoản 6 và khoản 7 Điều 16 của Luật Đấu thầu.

20.3. Đối với nhà đầu tư liên danh, việc cấm tham gia hoạt động đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư quy định tại Mục 20.2 được thực hiện như sau:

a) Chỉ cấm tham gia hoạt động đối với thành viên liên danh có hành vi vi phạm thuộc trường hợp quy định tại các điểm c khoản 3; khoản 4; các điểm b, c, d, đ khoản 5; các điểm a, b, c, d, đ, e khoản 6; khoản 7 Điều 16 của Luật Đấu thầu;

b) Cấm tham gia với tất cả thành viên liên danh khi một hoặc một số thành viên có hành vi vi phạm không thuộc trường hợp quy định tại điểm a mục này.

20.4. Thời hiệu áp dụng biện pháp cấm tham gia hoạt động đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư quy định tại Mục 20.2 là 10 năm tính từ ngày xảy ra hành vi vi phạm.

20.5. Bộ trưởng Bộ Công Thương, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, ban hành quyết định cấm tham gia hoạt động đấu thầu trong phạm vi quản lý của bộ, ngành, địa phương trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được một trong các tài liệu sau:

a) Văn bản đề nghị của bên mời thầu kèm theo các tài liệu chứng minh hành vi vi phạm;

b) Kiến nghị tại kết luận thanh tra của cơ quan thanh tra, kết luận kiểm tra của đoàn kiểm tra;

c) Kết quả giải quyết kiến nghị của Hội đồng giải quyết kiến nghị;

d) Các văn bản khác của cơ quan nhà nước có thẩm quyền trong đó xác định hành vi vi phạm.

20.6. Quyết định cấm tham gia hoạt động đấu thầu bao gồm các nội dung:

a) Tên tổ chức, cá nhân vi phạm;

b) Nội dung vi phạm, căn cứ pháp lý để xử lý vi phạm và thời gian cấm tương ứng với từng hành vi vi phạm; tổng thời gian cấm (trường hợp vi phạm từ 02 hành vi trở lên); phạm vi cấm;

c) Hiệu lực thi hành quyết định.

CHƯƠNG II

ĐÁNH GIÁ HỒ SƠ ĐĂNG KÝ THỰC HIỆN DỰ ÁN

Mục 1. Kiểm tra và đánh giá tính hợp lệ HSDKTHDA

1.1. Kiểm tra HSDKTHDA

Kiểm tra các thành phần của HSDKTHDA, gồm: văn bản đăng ký thực hiện dự án; hồ sơ về tư cách pháp lý, năng lực của nhà đầu tư và các thành phần

khác thuộc HSDKTHDA theo quy định tại Mục 10 CDNĐT.

1.2. Đánh giá tính hợp lệ HSDKTHDA

HSDKTHDA của nhà đầu tư được đánh giá là hợp lệ khi đáp ứng đầy đủ các nội dung sau đây:

a) Có văn bản đăng ký thực hiện dự án được đại diện hợp pháp của nhà đầu tư ký tên, đóng dấu (nếu có). Đối với nhà đầu tư liên danh, văn bản đăng ký thực hiện dự án phải do đại diện hợp pháp của từng thành viên liên danh hoặc của thành viên thay mặt liên danh theo phân công trách nhiệm trong văn bản thỏa thuận liên danh ký tên, đóng dấu (nếu có).

Văn bản đăng ký thực hiện dự án được coi là không hợp lệ nếu thuộc một trong các trường hợp sau:

- Không được đại diện hợp pháp của nhà đầu tư ký tên, đóng dấu (nếu có); không được đại diện hợp pháp của từng thành viên liên danh hoặc thành viên thay mặt liên danh ký văn bản đăng ký thực hiện dự án theo phân công trách nhiệm trong văn bản thỏa thuận liên danh ký tên, đóng dấu (nếu có) đối với trường hợp liên danh;

- Được ký trước khi bên mời quan tâm phát hành HSMQT, ký trước khi có giấy ủy quyền ký văn bản đăng ký thực hiện dự án (nếu có), ký trước khi ký thỏa thuận liên danh đối với trường hợp liên danh;

- Kèm theo điều kiện gây bất lợi cho cơ quan có thẩm quyền, bên mời quan tâm hoặc bỏ sót các nội dung quan trọng nêu trong Mẫu văn bản đăng ký thực hiện dự án dẫn đến không bảo đảm toàn bộ trách nhiệm và cam kết của nhà đầu tư trong quá trình dự quan tâm và thực hiện hợp đồng nếu được công nhận trúng thầu.

b) Nhà đầu tư không có tên trong hai hoặc nhiều HSDKTHDA với tư cách là nhà đầu tư độc lập hoặc thành viên liên danh;

c) Trường hợp liên danh, có thỏa thuận liên danh được đại diện hợp pháp của từng thành viên liên danh ký tên, đóng dấu (nếu có). Thỏa thuận liên danh phải nêu rõ trách nhiệm của thành viên đứng đầu liên danh và trách nhiệm chung, trách nhiệm riêng của từng thành viên liên danh theo Mẫu số 03 Chương III – Biểu mẫu dự quan tâm;

d) Nhà đầu tư không đang trong thời gian bị cấm tham gia hoạt động lựa chọn nhà đầu tư theo quy định của pháp luật về đấu thầu;

đ) Nhà đầu tư có tư cách hợp lệ theo quy định tại Mục 3 CDNĐT.

Nhà đầu tư có HSDKTHDA được coi là “Hợp lệ” khi tất cả các nội dung

được đánh giá là “Đáp ứng”. HSDKTHDA của nhà đầu tư được coi là “Không hợp lệ” khi có bất kỳ nội dung nào được đánh giá là “Không đáp ứng” và khi đó HSDKTHDA của nhà đầu tư sẽ bị loại. Nhà đầu tư có HSDKTHDA hợp lệ được xem xét, đánh giá bước tiếp theo.

Mục 2. Đánh giá sơ bộ về năng lực của nhà đầu tư

2.1. Sử dụng phương pháp đạt, không đạt để đánh giá sơ bộ về năng lực của nhà đầu tư. Nhà đầu tư được đánh giá là đáp ứng yêu cầu sơ bộ về năng lực khi tất cả các tiêu chuẩn được đánh giá là đạt.

2.2. Đối với nhà đầu tư liên danh:

Vốn chủ sở hữu của nhà đầu tư liên danh bằng tổng vốn chủ sở hữu của các thành viên liên danh, từng thành viên liên danh phải đáp ứng yêu cầu tương ứng với phần góp vốn chủ sở hữu theo thỏa thuận liên danh. Nhà đầu tư đứng đầu liên danh phải có tỷ lệ góp vốn chủ sở hữu tối thiểu là 30%, từng thành viên liên danh có tỷ lệ góp vốn chủ sở hữu tối thiểu là 15%;

2.3. Việc đánh giá sơ bộ năng lực của nhà đầu tư được thực hiện theo Bảng số 01 dưới đây:

Bảng số 01

YÊU CẦU SƠ BỘ VỀ NĂNG LỰC

TT	Nội dung	Yêu cầu
	Yêu cầu về vốn chủ sở hữu	Vốn chủ sở hữu tối thiểu nhà đầu tư phải thu xếp ⁽¹⁾ để được đánh giá là đạt: 312.442.400.000 (Ba trăm mười hai tỷ bốn trăm bốn mươi hai triệu bốn trăm nghìn đồng).

Ghi chú:

⁽¹⁾ Yêu cầu về vốn chủ sở hữu được xác định trên cơ sở tổng vốn đầu tư (gồm sơ bộ tổng chi phí thực hiện dự án và chi phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư (nếu có)).

Vốn chủ sở hữu của nhà đầu tư được xác định căn cứ vào:

- Kết quả báo cáo tài chính hoặc kết quả báo cáo đối với khoản mục vốn chủ sở hữu đã được kiểm toán thực hiện trong năm; trường hợp không có kết quả báo cáo tài chính hoặc kết quả báo cáo đối với khoản mục vốn chủ sở hữu đã được kiểm toán thực hiện trong năm thì dùng kết quả báo cáo tài chính hoặc kết quả

báo cáo đối với khoản mục vốn chủ sở hữu đã được kiểm toán của năm liền trước theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp, pháp luật về kiểm toán, pháp luật về kế toán; hoặc kết quả báo cáo tài chính hoặc kết quả báo cáo đối với khoản mục vốn chủ sở hữu đã được kiểm toán đến quý 3 năm 2025 và năm 2024 theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp, pháp luật về kiểm toán, pháp luật về kế toán.

- Đối với doanh nghiệp thành lập và hoạt động chưa đủ 12 tháng thì vốn chủ sở hữu được xác định theo vốn điều lệ đã góp theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp.

- Trường hợp tại cùng một thời điểm nhà đầu tư tham gia đầu tư nhiều dự án (bao gồm dự án đang được đầu tư và các dự án đang đăng ký thực hiện) và đầu tư tài chính dài hạn (nếu có), nhà đầu tư thực hiện như sau:

+ Kê khai danh sách các dự án **đang được đầu tư** và **các khoản đầu tư tài chính dài hạn khác** (nếu có), bảo đảm đáp ứng đủ toàn bộ số vốn chủ sở hữu nhà đầu tư cam kết thực hiện cho tất cả các dự án và khoản đầu tư tài chính dài hạn khác theo quy định.

+ Kê khai danh sách các dự án **đang đăng ký thực hiện** (bao gồm vốn chủ sở hữu cam kết cho từng dự án), bảo đảm đáp ứng đủ toàn bộ số vốn chủ sở hữu nhà đầu tư cam kết thực hiện cho tất cả các dự án đang đăng ký theo quy định.

Nhà đầu tư phải kê khai thông tin, cung cấp các tài liệu về năng lực tài chính theo Mẫu số 05 Chương III - Biểu mẫu dự quan tâm.

CHƯƠNG III. BIỂU MẪU DỰ QUAN TÂM

1. Mẫu số 01: Văn bản đăng ký thực hiện dự án
2. Mẫu số 02: Giấy ủy quyền
3. Mẫu số 03: Thỏa thuận liên danh
4. Mẫu số 04: Thông tin về nhà đầu tư và các đối tác cùng thực hiện
5. Mẫu số 05: Năng lực tài chính của nhà đầu tư

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

VĂN BẢN ĐĂNG KÝ THỰC HIỆN DỰ ÁN ⁽¹⁾

(Địa điểm), ngày ____ tháng ____ năm ____

Kính gửi: ____ [*ghi tên Bên mời quan tâm*]

Sau khi nghiên cứu hồ sơ mời quan tâm của dự án ____ [*ghi tên dự án*] do ____ [*ghi tên bên mời quan tâm*] (sau đây gọi tắt là Bên mời quan tâm) phát hành ngày ____ [*ghi ngày bắt đầu phát hành hồ sơ mời quan tâm cho nhà đầu tư*] và văn bản sửa đổi hồ sơ mời quan tâm số ____ ngày ____ [*ghi số, ngày của văn bản sửa đổi (nếu có)*], chúng tôi, ____ [*ghi tên nhà đầu tư*] nộp hồ sơ đăng ký thực hiện dự án đối với dự án nêu trên. Hồ sơ đăng ký thực hiện dự án này được nộp không có điều kiện và ràng buộc kèm theo.

Chúng tôi sẵn sàng cung cấp cho Bên mời quan tâm bất kỳ thông tin bổ sung, làm rõ cần thiết nào khác khi Bên mời quan tâm có yêu cầu.

Chúng tôi cam kết⁽²⁾:

1. Chỉ tham gia trong một hồ sơ đăng ký thực hiện dự án này với tư cách là nhà đầu tư độc lập, thành viên liên danh.
2. Không đang trong quá trình giải thể; không bị kết luận đang lâm vào tình trạng phá sản hoặc nợ không có khả năng chi trả theo quy định của pháp luật.
3. Không vi phạm quy định về bảo đảm cạnh tranh.
4. Không thực hiện các hành vi tham nhũng, hối lộ, thông thầu, cản trở và các hành vi vi phạm khác của pháp luật về đấu thầu khi tham dự dự án này.
5. Những thông tin kê khai trong hồ sơ đăng ký thực hiện dự án là chính xác, trung thực.
6. Chúng tôi đồng ý và cam kết chịu mọi trách nhiệm liên quan đối với tất cả nghĩa vụ của nhà đầu tư trong quá trình dự quan tâm.

Đại diện hợp pháp của nhà đầu tư ⁽⁴⁾
 [*ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu (nếu có)*⁽⁵⁾]

Ghi chú:

(1) Nhà đầu tư lưu ý ghi đầy đủ và chính xác các thông tin về tên của bên mời quan tâm, nhà đầu tư.

(2) Trường hợp phát hiện nhà đầu tư vi phạm các cam kết này thì nhà đầu tư bị coi là có hành vi gian lận, HSĐKTHDA bị loại và nhà đầu tư sẽ bị xử lý vi phạm theo quy định.

(3) Đối với nhà đầu tư độc lập, văn bản đăng ký thực hiện dự án phải được đại diện hợp pháp của nhà đầu tư ký tên, đóng dấu. Đối với nhà đầu tư liên danh, văn bản đăng ký thực hiện dự án phải được đại diện hợp pháp của từng thành viên liên danh hoặc của thành viên liên danh theo phân công trách nhiệm trong văn bản thỏa thuận liên danh ký tên, đóng dấu (nếu có).

Đại diện hợp pháp của nhà đầu tư/thành viên liên danh được xác định theo quy định tại Mục 13 CDNĐT.

(4) Trường hợp nhà đầu tư nước ngoài không có con dấu thì phải cung cấp xác nhận của tổ chức có thẩm quyền về việc chữ ký trong văn bản đăng ký thực hiện dự án và các tài liệu khác trong HSĐKTHDA là của người đại diện hợp pháp của nhà đầu tư.

GIẤY ỦY QUYỀN

Hôm nay, ngày ____ tháng ____ năm ____, tại ____

Tôi là ____ [*ghi tên, số CMND/số hộ chiếu/số CCCD, chức danh của người đại diện theo pháp luật của nhà đầu tư*], là người đại diện theo pháp luật của ____ [*ghi tên nhà đầu tư*] có địa chỉ tại ____ [*ghi địa chỉ của nhà đầu tư*], bằng văn bản này ủy quyền cho: ____ [*ghi tên, số CMND/số hộ chiếu/số CCCD, chức danh của người được ủy quyền*] thực hiện các công việc sau đây trong quá trình tham gia lựa chọn nhà đầu tư dự án ____ [*ghi tên dự án*] do ____ [*ghi tên bên mời quan tâm*] tổ chức:

[Phạm vi ủy quyền gồm một hoặc một số công việc sau:

- Ký văn bản đăng ký thực hiện dự án;

- Ký các văn bản, tài liệu để giao dịch với bên mời quan tâm trong quá trình dự quan tâm, kể cả văn bản đề nghị làm rõ hồ sơ mời quan tâm và văn bản giải trình, làm rõ hồ sơ đăng ký thực hiện dự án;

- Ký đơn dự thầu;

- Ký các văn bản, tài liệu để giao dịch với bên mời thầu trong quá trình tham gia lựa chọn nhà đầu tư, kể cả văn bản đề nghị làm rõ hồ sơ mời thầu, văn bản giải trình, làm rõ hồ sơ dự thầu;

- Ký các văn bản kiến nghị trong lựa chọn nhà đầu tư (nếu có);

- Các công việc khác (ghi rõ nội dung các công việc, nếu có)].

Người được ủy quyền nêu trên chỉ thực hiện các công việc trong phạm vi được ủy quyền với tư cách là đại diện hợp pháp của ____ [*ghi tên nhà đầu tư*]. ____ [*ghi tên người đại diện theo pháp luật của nhà đầu tư*] chịu trách nhiệm hoàn toàn về những công việc do ____ [*ghi tên người được ủy quyền*] thực hiện trong phạm vi ủy quyền.

Giấy ủy quyền có hiệu lực kể từ ngày ____ đến ngày ____⁽¹⁾. Giấy ủy quyền này được lập thành ____ bản có giá trị pháp lý như nhau. Người ủy quyền giữ ____ bản. Người được ủy quyền giữ ____ bản. Đính kèm theo bản gốc của Hồ sơ đăng ký thực hiện dự án (01) bản gốc./.

Người được ủy quyền

*[Ghi tên, chức danh, ký tên và
đóng dấu (nếu có)⁽²⁾]*

Người ủy quyền

*[Ghi tên người đại diện theo pháp luật
của nhà đầu tư, chức danh, ký tên và
đóng dấu (nếu có)⁽³⁾]*

Ghi chú:

(1) Ghi ngày có hiệu lực và ngày hết hiệu lực của giấy ủy quyền phù hợp với quá trình tham dự thầu.

(2), (3) Việc sử dụng con dấu trong trường hợp được ủy quyền có thể là dấu của nhà đầu tư hoặc dấu của đơn vị mà cá nhân liên quan được ủy quyền.

THỎA THUẬN LIÊN DANH

(Địa điểm), ngày___ tháng___ năm___

Chúng tôi, đại diện cho các bên ký thỏa thuận liên danh, gồm có:

Tên thành viên liên danh: ___ [*Ghi tên từng thành viên liên danh*]

- Quốc gia nơi đăng ký hoạt động:

- Mã số thuế:

- Địa chỉ:

- Điện thoại:

- Fax:

- Email:

- Người đại diện theo pháp luật:

- Chức vụ:

Giấy ủy quyền số ___ ngày___ tháng___ năm___ (*trường hợp được ủy quyền*).

Các bên (sau đây gọi là thành viên) thống nhất ký kết thỏa thuận liên danh với các nội dung sau:

Điều 1. Nguyên tắc chung

1. Các thành viên tự nguyện hình thành liên danh để tham gia đấu thầu dự án ___ [*ghi tên dự án*].

2. Các thành viên thống nhất tên gọi của liên danh cho mọi giao dịch liên quan đến dự án là: ___ [*ghi tên của liên danh theo thỏa thuận*].

Địa chỉ giao dịch của Liên danh:

Điện thoại:

Fax:

Email:

Người đại diện của Liên danh:

3. Các thành viên cam kết không thành viên nào được tự ý tham gia độc lập hoặc liên danh với nhà đầu tư khác để tham gia đấu thầu dự án.

Điều 2. Phân công trách nhiệm

Các thành viên thống nhất phân công trách nhiệm để thực hiện các công việc trong quá trình đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư cho dự án như sau:

1. Các bên nhất trí thỏa thuận cho ____ *[ghi tên một thành viên]* là thành viên đứng đầu liên danh, đại diện cho liên danh để thực hiện các công việc trong quá trình hoàn thiện, nộp, làm rõ, sửa đổi hồ sơ đăng ký thực hiện dự án.

2. Vai trò, trách nhiệm của các thành viên liên danh ⁽¹⁾*[ghi cụ thể vai trò, trách nhiệm của từng thành viên liên danh và ghi tỷ lệ phần trăm góp vốn chủ sở hữu trong liên danh]*:

TT	Tên thành viên	Vai trò tham gia <i>[Ghi phân công việc mà thành viên đảm nhận (thu xếp tài chính, xây dựng, quản lý, vận hành,...)]</i>	Vốn chủ sở hữu	
			Giá trị	Tỷ lệ %
1	Thành viên 1 <i>[Đứng đầu liên danh]</i>			<i>[tối thiểu 30%]</i>
2	Thành viên 2			<i>[tối thiểu 15%]</i>
3	Thành viên 3			<i>[tối thiểu 15%]</i>
.....				
Tổng				100%

3. Các thành viên cam kết không thành viên nào được tự ý tham gia độc lập hoặc liên danh với nhà đầu tư khác để tham gia lựa chọn nhà đầu tư dự án này. Trường hợp trúng thầu, không thành viên nào có quyền từ chối thực hiện các trách nhiệm và nghĩa vụ đã quy định trong hợp đồng. Trường hợp thành viên của liên danh từ chối hoàn thành trách nhiệm riêng của mình như đã thỏa thuận thì thành viên đó bị xử lý như sau:

- Bồi thường thiệt hại cho các bên trong liên danh;
- Bồi thường thiệt hại cho cơ quan có thẩm quyền theo quy định nêu trong hợp đồng;
- Hình thức xử lý khác ____ *[ghi rõ hình thức xử lý khác]*.

Điều 3. Hiệu lực của thỏa thuận liên danh

1. Thỏa thuận liên danh có hiệu lực kể từ ngày ký.
2. Thỏa thuận liên danh chấm dứt hiệu lực trong các trường hợp sau:

- Các bên thỏa thuận cùng chấm dứt;

- Có sự thay đổi thành viên liên danh. Trong trường hợp này, nếu sự thay đổi thành viên liên danh được bên mời quan tâm chấp thuận thì các bên phải thành lập thỏa thuận liên danh mới;

- Liên danh không đáp ứng yêu cầu sơ bộ về năng lực;

- Kết thúc thủ tục mời quan tâm;

Thỏa thuận liên danh được lập thành ____ bản gốc, mỗi thành viên liên danh giữ ____ bản, nộp kèm theo hồ sơ đăng ký thực hiện dự án 01 bản gốc. Các bản có giá trị pháp lý như nhau.

Đại diện hợp pháp của từng thành viên liên danh ⁽²⁾

*[ghi tên đại diện hợp pháp của từng thành viên, chức danh,
ký tên và đóng dấu (nếu có)⁽³⁾]*

Ghi chú:

(1) Nhà đầu tư phải liệt kê vai trò tham gia và tỷ lệ góp vốn chủ sở hữu của từng thành viên liên danh.

(2) Đại diện hợp pháp của từng thành viên liên danh có thể là người đại diện theo pháp luật hoặc người đại diện theo pháp luật ủy quyền.

(3) Trường hợp thành viên liên danh là nhà đầu tư nước ngoài không có con dấu thì phải cung cấp xác nhận của tổ chức có thẩm quyền về việc chữ ký trong thỏa thuận liên danh là của người đại diện hợp pháp của thành viên liên danh.

THÔNG TIN VỀ NHÀ ĐẦU TƯ VÀ ĐỐI TÁC CÙNG THỰC HIỆN

(Địa điểm) ____, ngày ____, tháng ____, năm ____

I. Thông tin về nhà đầu tư/thành viên liên danh⁽¹⁾

1. Tên nhà đầu tư/thành viên liên danh:
2. Quốc gia nơi đăng ký hoạt động của nhà đầu tư/thành viên liên danh:
3. Năm thành lập:
4. Địa chỉ hợp pháp của nhà đầu tư/thành viên liên danh tại quốc gia đăng ký:
5. Thông tin về đại diện hợp pháp của nhà đầu tư/thành viên liên danh:
 - Tên:
 - Địa chỉ:
 - Số điện thoại/fax:
 - Địa chỉ e-mail:
6. Sơ đồ tổ chức của nhà đầu tư.

II. Thông tin về các đối tác cùng thực hiện

TT	Tên đối tác ⁽²⁾	Quốc gia nơi đăng ký hoạt động	Vai trò tham gia ⁽³⁾	Người đại diện theo pháp luật	Giá trị tham gia	Hợp đồng với đối tác ⁽⁴⁾
1	Công ty 1		[Tổ chức cung cấp tài chính]			
2						

Đại diện pháp luật của nhà đầu tư*[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu (nếu có)]***Ghi chú:**

(1) Trường hợp nhà đầu tư liên danh thì từng thành viên liên danh phải kê khai theo Mẫu này. Nhà đầu tư/thành viên liên danh cần nộp kèm theo bản chụp một trong các tài liệu sau đây: Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc quyết định thành lập hoặc tài liệu có giá trị tương đương do cơ quan có thẩm quyền cấp đối với nhà đầu tư trong nước; đối với nhà đầu tư nước ngoài, có tài liệu chứng minh đăng ký thành lập, hoạt động theo pháp luật nước ngoài.

(2) Nhà đầu tư ghi cụ thể tên của các đối tác tham gia thực hiện dự án. Trường hợp khi tham dự quan tâm chưa xác định được cụ thể danh tính của các đối tác thì không phải kê khai vào cột này mà chỉ kê khai vào cột “vai trò tham gia”. Sau đó, nếu trúng thầu thì khi huy động các đối tác thực hiện công việc đã kê khai thì phải thông báo cho bên mời thầu.

- (3) Nhà đầu tư ghi cụ thể vai trò tham gia của từng đối tác.
- (4) Nhà đầu tư ghi cụ thể số hợp đồng kèm theo bản chụp được chứng thực tài liệu đó. Hợp đồng hoặc văn bản thỏa thuận với đối tác phải được ký với đại diện hợp pháp của các bên. Đại diện hợp pháp của các bên là người đại diện theo pháp luật của các bên hoặc người được người đại diện hợp pháp của các bên ủy quyền.

NĂNG LỰC TÀI CHÍNH CỦA NHÀ ĐẦU TƯ⁽¹⁾

1. Tên nhà đầu tư/thành viên liên danh:

2. Thông tin về năng lực tài chính của nhà đầu tư/thành viên liên danh⁽²⁾:

a) Tóm tắt các số liệu về tài chính ⁽³⁾:

STT	Nội dung	Giá trị
I	Vốn chủ sở hữu cam kết sử dụng cho dự án	
II	Các số liệu về vốn chủ sở hữu của nhà đầu tư	
1	Tổng vốn chủ sở hữu	
2	Vốn chủ sở hữu cam kết cho các dự án đang thực hiện, đang đăng ký thực hiện ⁽⁴⁾ (không gồm vốn đã được giải ngân cho các dự án đang thực hiện) và các khoản đầu tư tài chính dài hạn khác (nếu có)	
3	Vốn chủ sở hữu phải giữ lại theo quy định	

b) Tài liệu đính kèm⁽⁵⁾

- Kết quả báo cáo tài chính hoặc kết quả báo cáo đối với khoản mục vốn chủ sở hữu đã được kiểm toán thực hiện trong năm; trường hợp không có kết quả báo cáo tài chính hoặc kết quả báo cáo đối với khoản mục vốn chủ sở hữu đã được kiểm toán thực hiện trong năm thì dùng kết quả báo cáo tài chính hoặc kết quả báo cáo đối với khoản mục vốn chủ sở hữu đã được kiểm toán của năm liền trước theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp, pháp luật về kiểm toán, pháp luật về kế toán; hoặc kết quả báo cáo tài chính hoặc kết quả báo cáo đối với khoản mục vốn chủ sở hữu đã được kiểm toán đến quý 3 năm 2025 và năm 2024 theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp, pháp luật về kiểm toán, pháp luật về kế toán.

- Nhà đầu tư nộp kèm theo văn bản cam kết cung cấp tài chính của ngân hàng hoặc tổ chức tín dụng đối với phần nghĩa vụ tài chính còn lại (ngoài vốn chủ sở hữu) thuộc trách nhiệm huy động vốn của nhà đầu tư.

- Nhà đầu tư nộp kèm theo văn bản xác nhận của cơ quan quản lý thuế, chứng minh đã hoàn thành đầy đủ các nghĩa vụ tài chính đối với Nhà nước đến thời điểm nộp hồ sơ.

- Đối với doanh nghiệp thành lập và hoạt động chưa đủ 12 tháng thì vốn chủ sở hữu được xác định theo vốn điều lệ đã góp theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp. Trong trường hợp này, phải đính kèm tài liệu chứng minh vốn điều lệ của doanh nghiệp.

- Các báo cáo do nhà đầu tư cung cấp phải bảo đảm tuân thủ các quy định pháp luật về tài chính, kế toán, phản ánh tình hình tài chính riêng của nhà đầu tư hoặc thành viên liên danh (nếu là nhà đầu tư liên danh) mà không phải tình hình tài chính của một chủ thể liên kết như công ty mẹ hoặc công ty con hoặc công ty liên kết với nhà đầu tư hoặc thành viên liên danh.

- Danh sách dự án đang thực hiện và các khoản đầu tư tài chính dài hạn khác trong trường hợp tại cùng một thời điểm nhà đầu tư tham gia đầu tư nhiều dự án và các khoản đầu tư tài chính dài hạn khác (nếu có).

- Danh sách các dự án đang đăng ký thực hiện (bao gồm vốn chủ sở hữu cam kết cho từng dự án), trong trường hợp tại cùng một thời điểm nhà đầu tư tham gia đăng ký thực hiện nhiều dự án (nếu có).

Đại diện hợp pháp của nhà đầu tư

[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu (nếu có)]

Ghi chú:

(1) Trường hợp nhà đầu tư liên danh thì từng thành viên liên danh phải kê khai theo Mẫu này.

(2) Nhà đầu tư chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác, hợp pháp của các số liệu, tài liệu cung cấp liên quan đến vốn chủ sở hữu, phân bổ vốn chủ sở hữu cho các dự án đang thực hiện và các khoản đầu tư tài chính dài hạn khác (nếu có). Trường hợp phát hiện thông tin kê khai là không chính xác, làm sai lệch kết quả đánh giá thì sẽ bị coi là gian lận theo quy định tại khoản 4 Điều 16 Luật Đấu thầu và bị loại.

(3) Căn cứ yêu cầu, tính chất dự án, bên mời quan tâm, tổ chuyên gia bổ sung các thông tin phù hợp.

(4) Trường hợp tại cùng một thời điểm nhà đầu tư tham gia đầu tư nhiều dự án (bao gồm dự án đang được đầu tư và các dự án đang đăng ký thực hiện) và đầu tư tài chính dài hạn (nếu có), nhà đầu tư thực hiện như sau:

- Kê khai danh sách các dự án **đang được đầu tư** và **các khoản đầu tư tài chính dài hạn khác** (nếu có), bảo đảm đáp ứng đủ toàn bộ số vốn chủ sở hữu nhà đầu tư cam kết thực hiện cho tất cả các dự án và khoản đầu tư tài chính dài hạn khác theo quy định.

- Kê khai danh sách các dự án **đang đăng ký thực hiện** (bao gồm vốn chủ

sở hữu cam kết cho từng dự án), bảo đảm đáp ứng đủ toàn bộ số vốn chủ sở hữu nhà đầu tư cam kết thực hiện cho tất cả các dự án đang đăng ký theo quy định.

(5) Căn cứ yêu cầu, tính chất dự án, bên mời quan tâm có thể bổ sung các tài liệu nhà đầu tư phải nộp để chứng minh năng lực tài chính (ví dụ như: biên bản kiểm tra quyết toán thuế, tờ khai tự quyết toán thuế; tài liệu chứng minh việc nhà đầu tư đã kê khai quyết toán thuế điện tử; văn bản xác nhận của cơ quan quản lý thuế;...).

PHẦN 2. YÊU CẦU THỰC HIỆN DỰ ÁN

Bên mời quan tâm, tổ chuyên gia căn cứ nội dung quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư đối với dự án thuộc diện chấp thuận chủ trương đầu tư, báo cáo nghiên cứu tiền khả thi hoặc báo cáo nghiên cứu khả thi (nếu có); văn bản phê duyệt thông tin dự án đầu tư có sử dụng đất đối với dự án không thuộc diện chấp thuận chủ trương đầu tư để xác định yêu cầu thực hiện dự án (trường hợp cần thiết, phát hành kèm theo HSMQT các tài liệu này).

Yêu cầu thực hiện dự án gồm:

1. Tên dự án; mục tiêu đầu tư, quy mô đầu tư của dự án:

1.1 Tên dự án: Nhà máy điện gió Ia Ko 1.

1.2 Mục tiêu đầu tư:

- Cung cấp sản lượng điện sạch từ nguồn năng lượng tái tạo cho hệ thống điện quốc gia, góp phần đảm bảo an ninh năng lượng quốc gia, đảm bảo nguồn điện cung cấp phục vụ nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh Gia Lai và giảm tổn thất điện năng trong hệ thống truyền tải điện.

- Đóng góp nguồn thu ngân sách cho địa phương, tạo động lực thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn. Đồng thời, tăng giá trị sản xuất công nghiệp góp phần đạt được mục tiêu tăng trưởng kinh tế ở mức hai con số trong thời gian tới trên địa bàn tỉnh.

1.3 Quy mô đầu tư:

- Tổng công suất lắp đặt: 42 MW.

- Phương án đấu nối: Đường dây 220kV mạch đơn đấu nối từ thanh cái trạm nâng áp 33/220kV NMDG Ia Ko 1 đấu nối đến thanh cái 220kV TBA 500kV Nhơn Hòa.

2. Tổng vốn đầu tư của dự án: 1.562.212.000.000 đồng (*bằng chữ: Một nghìn năm trăm sáu mươi hai tỷ, hai trăm mười hai triệu đồng*).

- Sơ bộ tổng chi phí thực hiện dự án: 1.540.372.000.000 đồng.

- Chi phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư (nếu có): 21.840.000.000 đồng.

3. Địa điểm thực hiện dự án: Xã Ia Ko, xã Chư Puh và xã Ia Le, tỉnh Gia Lai.

4. Mục đích sử dụng đất; hiện trạng sử dụng đất:

- Mục đích sử dụng đất: Đất công trình năng lượng.

- Hiện trạng sử dụng đất: Đất suối, đất lúa, đất nghĩa trang, đất giao thông, phần còn lại là đất nông nghiệp.

5. Diện tích khu đất thực hiện dự án.

Diện tích sử dụng đất của dự án là 27,3 ha, trong đó:

- Diện tích đất sử dụng có thời hạn khoảng 14,7 ha (bao gồm tổng diện tích của các móng trụ tua bin gió; bãi cầu lắp tuabin; các đường dây cáp ngầm đầu nối tuabin; đường giao thông nội bộ...).
- Diện tích sử dụng đất tạm thời của dự án khoảng 12,6 ha (bao gồm tổng diện tích bãi tập kết thiết bị; Khu vực phụ trợ thi công; đường phục vụ thi công).

6. Các chỉ tiêu quy hoạch: Thực hiện theo quy hoạch phát triển điện lực quốc gia, quy hoạch tỉnh, quy hoạch chung cấp xã và các quy hoạch có liên quan.

7. Thời hạn, tiến độ thực hiện dự án:

Thời hạn hoạt động của dự án: 50 năm.

Tiến độ thực hiện dự án:

- Từ Quý 4/2025 đến tháng 2/2026: Chấp thuận chủ trương đầu tư; lựa chọn nhà đầu tư;
- Từ tháng 3/2026 đến tháng 8/2026: Thực hiện các thỏa thuận chuyên ngành; Thẩm định báo cáo nghiên cứu khả thi và Quyết định phê duyệt đầu tư dự án của nhà đầu tư; Đàm phán, ký kết hợp đồng mua bán điện; Thiết kế kỹ thuật, thiết kế bản vẽ thi công; Bồi thường giải phóng mặt bằng, giao đất và cho thuê đất;
- Tháng 9/2026: Khởi công xây dựng dự án;
- Tháng 12/2027: Hoàn thiện đưa dự án vào vận hành.

8. Ưu đãi và bảo đảm đầu tư: Theo quy định của pháp luật hiện hành.

9. Các nội dung liên quan khác

- Trong quá trình lập hồ sơ báo cáo nghiên cứu khả thi và phê duyệt dự án, sau khi xác định chính xác các vị trí tua bin và các công trình dự án, nhà đầu tư sẽ phối hợp với UBND các xã cập nhật, điều chỉnh để đồng bộ các quy hoạch chung xã, quy hoạch sử dụng đất, kế hoạch sử dụng đất để đảm bảo công tác bồi thường, hỗ trợ, tái định cư (nếu có).

- Nhà đầu tư căn cứ vào "Mục 1. Nội dung mời quan tâm" về Phương án đầu nối của dự án vào hệ thống điện quốc gia, trường hợp dự án phải đầu nối (lắp đặt máy biến áp hoặc ngăn lộ) tại Trạm biến áp do tư nhân sở hữu thì "Nhà đầu tư phải có hợp đồng/thỏa thuận nguyên tắc (sơ bộ) về vị trí lắp đặt máy biến áp/ngăn lộ, thỏa thuận đầu nối và chia sẻ hạ tầng với đơn vị sở hữu Trạm biến áp" đáp ứng điều kiện quy định tại Quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư.

- Nhà đầu tư phải cam kết thực hiện các quy định về chuyển giao công nghệ theo quy định tại Điều 31 của Luật Chuyển giao công nghệ đối với công nghệ chuyển giao từ nước ngoài vào Việt Nam (nếu có); các thiết bị cho dự án đảm bảo theo quy định tại Điều 10 văn bản số 06/VBHN-BCT ngày 21/02/2023 của Bộ Công Thương về quy định thực hiện phát triển dự án điện gió và hợp đồng mua bán điện mẫu cho các dự án điện gió.

- Trong quá trình triển khai dự án, nếu có bất kỳ thay đổi về công nghệ đề nghị nhà đầu tư điều chỉnh, bổ sung nội dung và trình cấp có thẩm quyền theo quy định tại khoản 4 Điều 13 Luật Chuyển giao công nghệ năm 2017.

- Nhà đầu tư đáp ứng hồ sơ mời quan tâm hoặc trúng thầu thực hiện đúng quy định tại Luật Đầu tư, Luật Đất đai, Luật Đấu thầu, Nghị định số 32/2016/NĐ-CP ngày 06/5/2016 của Chính phủ quy định về quản lý độ cao chướng ngại vật hàng không và các văn bản pháp luật có liên quan.

- Nhà đầu tư phải cam kết thực hiện các thủ tục chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác theo quy định. Đồng thời, phối hợp chặt chẽ với Công an tỉnh và các đơn vị liên quan thực hiện phương án đảm bảo an ninh trật tự tại khu vực triển khai dự án xuyên suốt quá trình thực hiện và sau khi dự án vận hành.

- Không được chuyển nhượng, mua bán, chuyển quyền sở hữu dưới bất kỳ hình thức nào kể cả cổ phần hoặc phần vốn góp trong Công ty/Doanh nghiệp dự án, trừ khi có sự chấp thuận bằng văn bản của UBND tỉnh. Trong trường hợp nhà đầu tư vi phạm quy định này, Dự án có thể bị thu hồi mà cơ quan chức năng không có bất kỳ nghĩa vụ bồi thường nào.

- Đối với diện tích đất sử dụng tạm thời: Nhà đầu tư có trách nhiệm làm việc thống nhất với các cơ quan, đơn vị, địa phương liên quan về vị trí, diện tích của các khu đất sử dụng tạm thời phù hợp, đề thi công dự án theo đúng quy định pháp luật hiện hành. Sau khi hoàn thành công trình đưa vào sử dụng, phần diện tích sử dụng đất tạm thời sẽ được xử lý theo quy định.

- Sau khi được chấp thuận nhà đầu tư hoặc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà đầu tư, đề nghị Nhà đầu tư phối hợp với cơ quan Nhà nước để rà soát thống nhất việc rút ngắn thời gian đưa dự án vào vận hành từ 03-06 tháng so với tiến độ được duyệt, đảm bảo sớm hoàn thành dự án và đưa vào vận hành.